

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2023/DS-PT

Ngày: 23/8/2023

V/v “*Tranh chấp*

*hợp đồng góp hui, vay tài sản*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trương Thị Tuyên.

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Dương Thúy Hằng.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 194/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2023/QĐ-PT, ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 300 đường B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 509 đường B, khu phố T, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Bà Lâm Thị Kim L – là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà L có tham gia góp hụi do bà làm chủ thảo và Bà L có mượn tiền của bà M, cụ thể như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 09/12/2020 Al gồm 22 phần, mãn tháng 10/2022 AL, Bà L tham gia 02 phần, hốt phần 1 tháng 3/2021 AL được 80.000.000 đồng và phần 2 hốt vào tháng 4/2021 được 82.000.000 đồng. Khi đăng hụi Bà L có ký nhận hụi trong sổ theo dõi và ngày 30/01/2022 AL Bà L xác nhận có hốt 02 phần hụi này. Bà L đóng hụi chết đến tháng 01/2022 AL thì ngưng còn thiếu 9 kỳ x 2 phần x 5.000.000 đồng = 90.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16/01/2021 Al gồm 22 phần, mãn tháng 11/2022 AL, Bà L tham gia 02 phần, hốt phần 1 tháng 12/2021 AL và phần 2 hốt vào tháng 01/2022 AL. Khi đăng hụi Bà L không ký tên nhưng Bà L có ghi sổ theo dõi và ngày 30/01/2022 AL Bà L xác nhận có hốt 02 phần hụi này. Bà L ngưng đóng hụi từ tháng 01/2022 AL còn thiếu 10 kỳ x 2 phần x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16/02/2021 Al gồm 22 phần, mãn tháng 12/2022 AL, Bà L tham gia 02 phần, hốt phần 1 tháng 4/2021 AL được 32.450.000 đồng và phần 2 hốt vào tháng 8/2021 AL được 33.800.000 đồng. Khi đăng hụi Bà L có ký nhận trong sổ theo dõi và ngày 30/01/2022 AL Bà L xác nhận có hốt 02 phần hụi này. Bà L đóng hụi chết đến tháng 01/2022 AL thì ngưng còn thiếu 11 kỳ x 2 phần x 2.000.000 đồng = 44.000.000 đồng.

- Trước đó Bà L có mượn tiền của bà 100.000.000 đồng khoảng năm 2021 có giấy nợ nhưng thất lạc, Bà L hứa qua giãn cách xã hội trả tiền, Bà L trả dần và đến ngày 30/01/2022 AL Bà L có gút lại ghi thiếu bà 81.150.000 đồng.

Tổng cộng Bà L nợ tiền hụi và tiền nợ là 315.150.000 đồng.

Ngày 30/01/2022 Al Bà L có viết và ký giấy xác nhận với bà hốt 6 chân hụi và tiền nợ 81.150.000 đồng, thỏa thuận ngày trả 1.000.000 đồng. Bà L trả cho bà M được 34.500.000 đồng, cụ thể vào ngày 10/02/2022 AL trả 10.000.000 đồng, ngày 20/02/2022 AL trả 10.000.000 đồng, ngày 12/3/2022 AL trả 3.000.000 đồng, ngày 12/3/2022 AL trả 4.000.000 đồng, ngày 13/5/2022 AL trả 7.500.000 đồng thì ngưng đến nay không trả nữa. Các dây hụi ngoài các dây khởi kiện thì Bà L tham gia trước đây đã mãn, thanh toán xong không tranh chấp.

Hiện nay Bà L còn nợ bà M 280.650.000 đồng. Bà M khởi kiện yêu cầu Bà L trả cho bà M 280.650.000 đồng tiền nợ hụi và tiền vay và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

*Bị đơn bà Lâm Thị Kim L trình bày:*

Bà L thừa nhận có tham gia hụi do bà M làm chủ thảo, không có vay tiền.

Bà L tham gia hụi do bà M làm chủ thảo, cụ thể như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 09/12/2020 Al gồm 22 phần, mãn tháng 10/2022 AL, Bà L tham gia 02 phần, hốt phần 1 tháng 3/2021 AL

được 80.000.000 đồng và phần 2 hốt vào tháng 4/2021 được 82.000.000 đồng. Hai phần hui 5 triệu khi đăng hui Bà L có ký nhận hui trong sổ theo dõi.

- Dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16/01/2021 Al gồm 22 phần, mãn tháng 11/2022 AL, Bà L tham gia 02 phần, chưa hốt 02 phần. Bà L có ghi xác nhận đã hốt và đóng hui chết nhưng bà M chưa đăng hui.

- Dây hui 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16/02/2021 Al gồm 22 phần, mãn tháng 12/2022 AL, Bà L tham gia 02 phần, hốt phần 1 tháng 4/2021 AL được 32.450.000 đồng và phần 2 hốt vào tháng 8/2021 AL được 33.800.000 đồng. Hai phần hui 2 triệu khi đăng hui Bà L có ký nhận trong sổ theo dõi và ngày 30/01/2022 AL Bà L xác nhận có hốt 02 phần hui này.

Sau khi hốt hui Bà L đóng hui chết đến tháng 9/2022 AL mới ngưng.

Dây hui 5.000.000 đồng khai ngày 16/01/2021 Al Bà L trình bày chưa hốt, có sổ theo dõi hui đến tháng 8/2021 Al bà M có ghi xác nhận chưa hốt 2 chân 5.000.000 đồng. Bà M nói chưa có tiền đăng kê Bà L ghi xác nhận đã hốt, khi nào có tiền thì bà M đăng hui cho bà. Ngoài ra, bà không còn chứng cứ nào khác.

Ngày 30/01/2022 AL bà có viết tờ giấy nội dung đã hốt 06 phần hui và thiếu tiền, nói ngày đóng cho bà M 1.000.000 đồng, Bà L đóng được đến tháng 9/2022 AL nhưng không có chứng cứ chứng minh, do bà bận buôn bán nên khi bà M ghé lấy thì Bà L đưa tiền. Giấy ngày 30/01/2022 AL bà M cung cấp do Bà L viết và ký tên nhưng do bà M đọc Bà L viết, bà M đọc sao Bà L ghi vậy.

Bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M. Bà L yêu cầu phản tố buộc bà M trả cho Bà L 180.000.000 đồng tiền chưa đăng 02 phần hui của dây hui 5.000.000 đồng/tháng khai ngày 16/01/2021 AL.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 471, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 16, 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui và Hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Lâm Thị Kim L.

Buộc bà Lâm Thị Kim L trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ hui và vay là 280.650.000 (Hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng

và 10.680.291 (Mười triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, hai trăm chín mươi mốt) đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng tiền hối.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm thi hành án, về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2023, Bà L có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu bà M đăng tiền hối cho bà 02 phần hối 5.000.000 đồng/tháng, dây hối khai ngày 16/01/2021 với số tiền là 180.000.000 đồng; không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu bà M đăng tiền hối cho bà 02 phần hối 5.000.000 đồng/tháng, dây hối khai ngày 16/01/2021 với số tiền là 180.000.000 đồng; thừa nhận giấy ngày 30 tháng giêng năm 2022 do bà viết. Sau khi chốt nợ bà có trả cho bà M một số tiền không nhớ cụ thể.

Bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của Bà L, Bà L đã hết hết 06 phần hối nên mới ghi giấy ngày 30 tháng giêng năm 2022.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của

bà Lâm Thị Kim L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 26-5-2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà L làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Bà L, thấy rằng:

Bà M khởi kiện yêu cầu Bà L trả tiền hối và tiền mượn, cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận tiền vay và hối ghi ngày 30 tháng giêng năm 2022 viết

trên giấy tập học sinh, nội dung thể hiện: Bà L có hốt hụi của bà M 6 phần hụi, 2 chân hai triệu, 4 chân năm triệu, hụi hai triệu mần tháng 12, hụi năm triệu mần tháng 10 và tháng 11. Ngoài ra, Bà L còn thiếu bà M số tiền 81.150.000 đồng, mỗi ngày đóng 1.000.000 đồng. Bà L thừa nhận trong giấy ngày 30 tháng giêng 2022 chữ ký và chữ viết của Bà L nên hai chữ “già thiếu” Bà L không viết. Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ “già thiếu”, tại Kết luận giám định số 423/KL-KTHS ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận do Bà L viết và ký ra.

Bà L thừa nhận có góp 6 phần hụi như bà M trình bày, nhưng cho rằng chỉ hốt 04 phần hụi, còn 02 phần hụi 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 16/01/2021 chưa hốt, cung cấp chứng cứ là sổ theo dõi hụi đến tháng 8/2021 có chữ viết của bà M ghi: “hai phần hụi 5.000.000 đồng chưa hốt” (bút lục số 33). Qua giám định và bà M cũng thừa nhận hàng chữ “hai phần hụi 5.000.000 đồng chưa hốt” do bà viết. Ngoài ra, Bà L không còn chứng cứ nào khác.

Tại biên bản hòa giải (bút lục số 81,82) cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Bà L thừa nhận giấy ngày 30 tháng giêng năm 2022 do bà viết, bà M đọc cho bà ghi. Như vậy, tháng 8/2021 bà M ghi chưa hốt hụi nhưng đến ngày 30 tháng giêng năm 2022 Bà L ghi giấy đã hốt 6 phần hụi (bút lục số 30). Do đó, lời trình bày của bà M xác định Bà L hốt 6 phần hụi là có cơ sở. Bà L cho rằng chưa hốt hụi, yêu cầu bà M đăng 02 phần hụi với số tiền 180.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Tại giấy chốt nợ ngày ngày 30 tháng giêng năm 2022 ((bút lục số 30) Bà L có ghi “già thiếu” 81.150.000 đồng, qua giám định có căn cứ do Bà L viết.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc Bà L trả cho bà M số tiền 291.330.291 đồng, không chấp nhận phản tố của Bà L là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 26-5-2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bà L giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; các Điều 471, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 26, 29 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị Kim L.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST, ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lâm Thị Kim L.

Buộc bà Lâm Thị Kim L trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ hụi và vay là 280.650.000 (hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng và 10.680.291 (mười triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, hai trăm chín mươi mốt) đồng tiền lãi. Tổng cộng là 291.330.291 (hai trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi nghìn, hai trăm chín mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà L không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lâm Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng tiền hụi.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lâm Thị Kim L phải nộp số tiền 1.710.000 (một triệu bảy trăm mười nghìn) đồng để trả cho bà Nguyễn Thị M.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Kim L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.566.514 (hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm mười bốn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà L đã nộp 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001852 ngày 26-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Bà L phải nộp thêm 19.066.514 (mười chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm mười bốn) đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị Kim L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002209 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP T;
- CCTHADS TP T;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trương Thị Tuyền**